

Vn-index
765,79 +1,04% ↑ 287 □ 50 ↓ 86

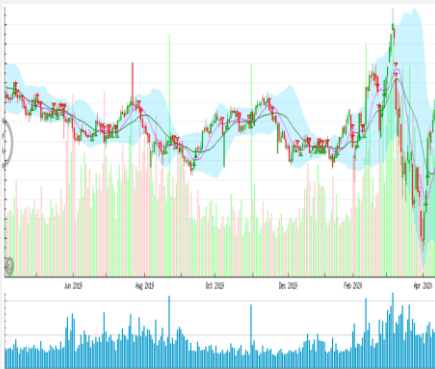
XU HƯỚNG DÒNG TIỀN



Thị trường tiếp tục có phiên hồi phục nhưng đà hồi phục không còn mạnh như những phiên tăng đầu tiên ngày 01.03,06/4/2020. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như ngân hàng, nhóm trụ không còn đóng vai trò dẫn dắt mà chỉ giúp ổn định chỉ số. Thị trường hiện đang xoay tua khá tốt, khi các nhóm cổ phiếu chưa tăng điễm lần lượt tăng trở lại như HVN, VJC, VPB. Cá biệt một vài cổ phiếu trên HNX duy trì đà uptrend khá tốt như SHS, SHB với mức giá liên tục vượt các vùng đỉnh ngắn hạn và dài hạn. Nhìn chung thị trường vẫn đang duy trì xu thế hồi phục tốt. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng đa số các cổ phiếu đã hồi phục khá tốt trong 2 tuần vừa qua từ 20-30% mà chưa có một nền tảng tích lũy vững chắc. Do đó cơ hội tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn sẽ không còn dễ dàng như giai đoạn trước đó, nhất là khi dòng tiền thoát ra từ khối ngoại vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.

Hnx-index
106,18 +1,05% ↑ 99 □ 43 ↓ 52

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Vnindex tạo cây nến búa ngược cho thấy áp lực chốt lời tại vùng giá hiện tại khá lớn. Thanh khoản Vnindex sụt giảm 30% về lượng so với phiên giao dịch ngày 10/4/2020 cho thấy dòng tiền đang có dấu hiệu đứng ngoài, sau quá trình hồi phục khá nóng của Vnindex. Các chỉ báo thành phần như RSI, MFI, MACD tiếp tục hướng lên củng cố cho xu thế hồi phục. Tuy vậy chỉ báo MFI đã chạm vùng quá mua cảnh báo rủi ro điều chỉnh trở lại. Do đó chúng tôi cho rằng Vnindex có thể gặp áp lực điều chỉnh trong những phiên tới.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường có chuỗi những phiên hồi phục tốt sau khi test đáy thành công ở vùng 650-660 điễm. Tính từ phiên tạo đáy thứ 2 ngày 31/03/2020, hiện thị trường đã hồi phục được khoảng 15,6%. Tuy nhiên rất nhiều cổ phiếu đã hồi phục mạnh từ 30-50% như PVS, PVD, TNG, HVN, MWG... Do đó thị trường chung cũng như nhóm cổ phiếu trên tiềm ẩn rủi ro giảm điễm trở lại do áp lực chốt lời cũng như áp lực bán từ những nhà đầu tư đã kẹp hàng trong giai đoạn sụt giảm trước đó. Hiện tại tình hình dịch bệnh có thể đã đạt đỉnh điễm tại Mỹ và các nước châu Âu. Tuy nhiên những tác động nghiêm trọng của nó đến nền kinh tế mà trước mắt là quý 1/2020 có thể chưa được lượng hóa hết. Vì vậy, nhà đầu tư ngắn hạn nên tranh thủ hạ dần tỷ trọng khi thị trường hồi phục ,hạn chế mua đuổi để tránh gặp bất lợi trong ngắn hạn.

Với nhà đầu tư dài hạn có thể lưu trữ cổ phiếu như một phần tài sản, có thể nắm giữ cổ phiếu trong vài năm tới bất chấp diễn biến xấu trong ngắn hạn từ 6 tháng đến 1 năm, thị trường giảm mạnh là cơ hội tốt để gia tăng tỷ trọng danh mục danh mục cổ phiếu tham khảo gồm có NTC, SZL, SIP, MFS, VEA, VGG, SJS, ABI, PHR

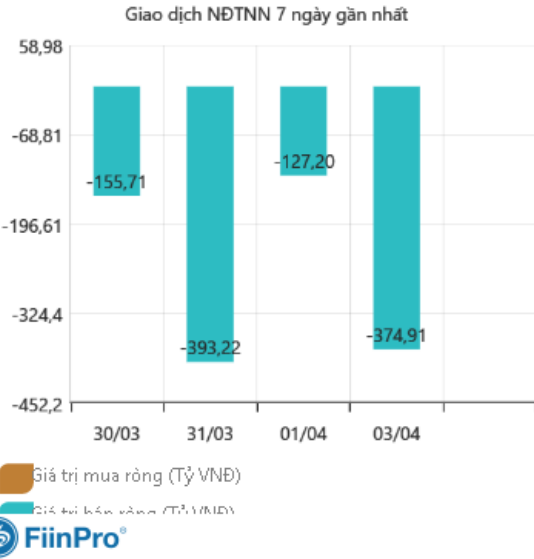
Hạn chế giao dịch tại nhóm cổ phiếu đầu cơ có ít thông tin hỗ trợ và có tính rủi ro cao.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYẾN NGHỊ

ST T	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	NTL	-	8,65	07/11/2017	11	8.5	9,53	15/03/2018	+12%	Đã chốt, điều chỉnh cổ tức 10%
2	VJC	-	116,2	09/11/2017	138	105	213,4	26/01/2018	+84%	Đã chốt ngắn hạn
3	SHB	-	7,8	14/11/2017	10	7.3	9.5	05/12/2017	+22%	Đã chốt
4	DRC	-	22,2	15/11/2017	27	20	29,4	16/01/2018	+32%	Đã chốt, điều chỉnh cổ tức 5%
5	PVS	-	16,4	17/11/2017	20	15.7	19.5	05/12/2017	+19%	Đã chốt
6	HNF	-	32	20/11/2017	45	27	47	24/11/2017	+47%	Đã chốt
7	DHG	-	100,5	21/11/2017	120	90	110	16/01/2018	+9%	Đã chốt, điều chỉnh cổ tức 15%
9	VCW	-	40	30/11/2017	50	35	38	15/03/2018	-5%	Đã chốt
10	VOC	-	20,5	07/12/2017	25	18	18	16/01/2018	-12%	Đã chốt
11	TMT	-	9.7	08/12/2017	11	8.6	9	11/01/2018	-7%	Đã chốt
14	VCG	-	22,2	18/12/2017	28	20.7	25	01/02/2018	+13%	Đã chốt, điều chỉnh cổ tức 8%
15	PVE	-	8,6	27/12/2017	11	7	7,2	02/05/2018	-16%	Đã chốt
16	PC1	-	38,7	04/01/2018	46	37	37	05/02/2018	-4%	Đã chốt
17	SHS	-	21,7	09/01/2018	30	19	22,6	17/04/2018	+4,15%	Đã chốt
19	VGG	-	62	25/01/2018	75	55	57	15/03/2018	-8%	Đã chốt
20	PVS	-	21	12/02/2018	25	17,5	23,3	15/03/2018	+11%	Đã chốt
22	HBC	-	39	05/03/2018	45	35	47	15/03/2018	+21%	Đã chốt
24	GMD	-	30,5	19/03/2018	36	27	27	26/04/2018	-11,47%	Đã chốt
25	BSR	-	26,2	26/03/2018	33	22	22	19/04/2018	-16%	Đã chốt
26	VHC	-	71,5	05/04/2018	80	64	64	26/04/2018	-10,49%	Đã chốt
27	LPB	-	15,8	23/04/2018	18	13	13	21/05/2018	-17%	Đã chốt
28	PLX	-	64,5	14/05/2018	75	56	58	28/05/2018	-10%	Đã chốt
29	HSG	-	10,7	01/06/2018	13	9,5	13,6	11/06/2018	+27%	Đã chốt
30	GAS	-	100	06/06/2018	115	90	97	14/06/2018	-3%	Đã chốt
31	NVL	-	52,5	07/06/2018	60	46	50,2	21/06/2018	-4%	Đã chốt
32	HAG	-	5.1	27/06/2018	6	4,5	5,6	20/11/2018	+9,8%	Đã chốt
33	VGC	-	20	29/06/2018	26	18	18	09/07/2018	-10%	Đã chốt
34	PVS	-	15,6	16/07/2018	18	14	20	09/08/2018	+28%	Đã chốt
35	VGTT	-	8,6	19/07/2018	11,1	8,1	11	13/09/2018	27,9%	Đã chốt
36	LPB	-	9,9	25/07/2018	13	8	9,2	24/10/2018	-9%	Đã chốt
37	OIL	-	14,2	30/07/2018	17	12	15,5	12/12/2018	+9%	Đã chốt
38	VPB	-	25	21/08/2018	28	23	23	23/10/2018	-8%	Đã chốt
39	BSR	-	16,8	23/08/2018	20	14,5	18,8	10/10/2018	+11,9%	Đã chốt

42	EVE		17,4	19/11/2018	20	15,5	18,1	27/11/2018	+4%	Đã chốt ngắn hạn
43	BSR		15,2	19/11/2018	18	13	14,2	07/01/2019	-7%	Đã chốt
44	KBC		12,5	22/11/2018	17	11	14	26/03/2019	+12%	Đã chốt
45	VJC		118,2	14/03/2019	135	112	119	26/03/2019	+1%	Đã chốt
46	GMC		36,96	01/04/2019	43,5	32,2	32,2	01/08/2019	-12,8%	Điều chỉnh 15% cổ tức bằng CP chạm điểm cắt lỗ ngắn hạn
47	NTC		105,8	25/04/2019	130	88	138	14/06/2019	+30%	Chốt lời ngắn hạn
48	MPC		41,5	16/05/2019	50	35	38,2	31/05/2019	-8%	Đã chốt
49	CTR		28,5	04/07/2019	34	27,2	43,2	31/07/2019	+52%	Chốt lời ngắn hạn
50	MSN		75,5	09/08/2019	85	67,5	70,5	29/11/2019	-7%	Đã chốt
51	DVP		44	13/08/2019	54	42	42	10/09/2018	-4,5%	Cắt lỗ ngắn hạn
52	FPT		52,8	20/08/2019	60	47	56,5	29/11/2019	+7%	Đã chốt
55	ABI		30,5	7/11/2019	75,8	27			-	Loại khỏi danh mục do thanh khoản không đáp ứng các giao dịch ngắn hạn
53	SIP	87,3	92	25/09/2019	130	80	80	31/01/2020	-13%	Đã chốt do chạm điểm cắt lỗ ngắn hạn
57	PHR	34,15	38,5	02/01/2020	51	34	34	03/02/2020	-11,6%	Đã chốt do chạm điểm cắt lỗ ngắn hạn
58	SZL	40	39	16/01/2020	46	37	37	31/01/2020	-5,12%	Đã chốt do chạm điểm cắt lỗ ngắn hạn
59	BSR	-	7,9	09/01/2020	10	7,2	8,5	22/01/2020	+8%	Đã chốt
54	NTC	166,8	157	15/10/2019	193	148	148	12/03/2020	-5,7%	Chạm điểm cắt lỗ
56	VTP	120	113	18/12/2019	140	107	107	12/03/2020	-5,3%	Chạm điểm cắt lỗ
60	STB	12,25	10,2	10/01/2020	12	9	10,4	13/03/2020	+4,85%	Đã chốt do tình hình thị trường chung rất xấu
61	CSV	21,25	21,1	21/01/2020	26	19	19	12/03/2020	-9,95%	Chạm điểm cắt lỗ
62	HBC	9,13	10,1	27/02/2020	12	9	9,1	11/03/2020	-9,9%	Chạm điểm cắt lỗ
54	NTC	166,8	157	15/10/2019	193	148	148	12/03/2020	-5,7%	Chạm điểm cắt lỗ

GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI TRÊN HSX



Giá dầu trái chiều sau khi OPEC+ đạt thỏa thuận giảm sản lượng lịch sử

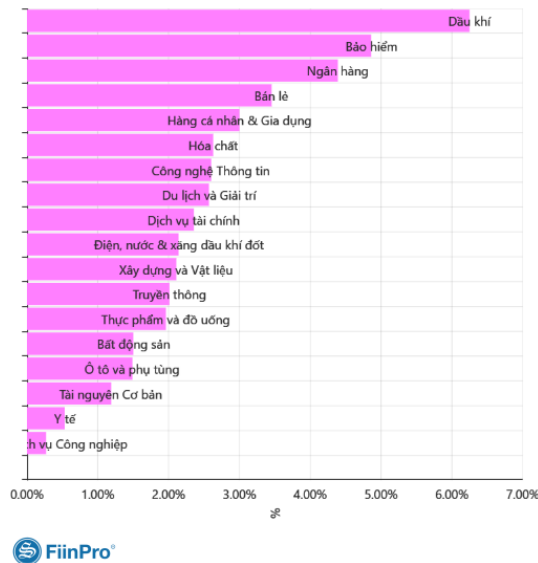
Giá dầu Brent tương lai tăng 26 cent, tương đương 0,8%, lên 31,74 USD/thùng. Giá dầu WTI tương lai giảm 35 cent, tương đương 1,5%, xuống 22,41 USD/thùng, thấp nhất kể từ ngày 1/4. Trong phiên, có lúc giá dầu WTI tương lai tăng hơn 5%. OPEC cùng với đồng minh, tức OPEC+, cuối tuần trước nhất trí giảm sản lượng 9,7 triệu thùng/ngày trong tháng 5 và 6, tương đương 10% nguồn cung toàn cầu. Ngoài ra, các quốc gia khác cũng sẽ chung tay giảm sản lượng với tổng số ước tính khoảng 19,5 triệu thùng/ngày.

“Phản ứng của thị trường dầu với thỏa thuận từ OPEC+ là phù hợp”, theo Jim Ritterbusch, chủ tịch Ritterbusch & Associates, bang Illinois, nói. “Thỏa thuận giống như nỗ lực phút chót để tạo ra một cú sốc vào thị trường nhưng lại không thành công do mức độ suy giảm của lực cầu lớn hơn”.

Nhu cầu tiêu thụ năng lượng thế giới giảm gần 30% vì đại dịch Covid-19, khiến hơn 110.000 người tử vong, nhiều quốc gia phải phong tỏa. Điều này dự kiến dẫn đến tình trạng dư cung kéo dài nhiều tháng, thậm chí nhiều năm.

“Vấn đề trong ngắn hạn là lực cầu mất khoảng 30 triệu thùng/ngày, tình trạng dư cung sẽ vẫn còn”, Edward Moya, nhà phân tích thị trường cấp cao tại OANDA, New York, cho biết. “Nhu cầu dầu thô sẽ không trở về bình thường cho đến năm 2022”.

TĂNG, GIẢM NGÀNH TRONG NGÀY



VEPR dự báo 3 kịch bản kinh tế cho Việt Nam năm 2020: Lạc quan nhất là tăng trưởng 4,2%

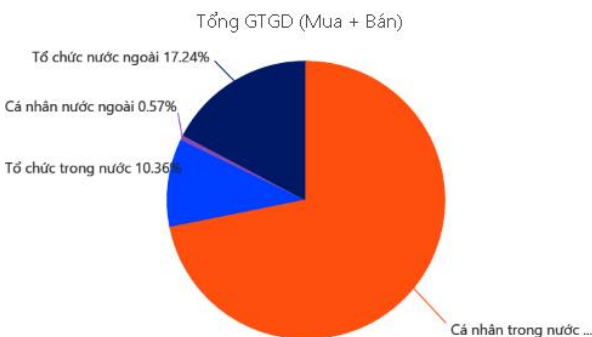
Ở kịch bản 1 – tức kịch bản lạc quan, bệnh dịch trong nước được khống chế hoàn toàn vào giữa tháng 5 và hoạt động kinh tế dần trở lại bình thường. Trong khi đó, thế giới cũng bắt đầu nới dần các biện pháp phong tỏa. Tuy nhiên các hoạt động kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ, vẫn còn dè dặt và chỉ dần hồi phục bắt đầu vào cuối quý 2/2020. **GDP cả năm của Việt Nam theo kịch bản này sẽ đạt 4,2%.**

Với kịch bản 2, bệnh dịch trong nước kéo dài và chỉ được khống chế hoàn toàn vào nửa sau quý 3/2020. Các hoạt động kinh tế trên thế giới chỉ dần trở lại bình thường bắt đầu vào cuối Quý 3/2020.

Bắt đầu từ Q4 cho tới hết năm, tăng trưởng của các ngành có thể quay trở lại mức tăng trưởng của những năm gần đây. **GDP cả năm sẽ đạt 1,5%.**

Kịch bản 3 thể hiện sự bi quan khi giả định tác động xấu của covid-19 kéo dài tới tận quý 4, nền kinh tế bắt đầu hồi phục vào nửa cuối Q4/2020. **GDP cả năm đạt mức -1%.**

GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ



THỐNG KÊ TRONG NGÀY

Ngày	Mã phái sinh	+/-	Mở cửa	Cao nhất	Thấp nhất	Đóng cửa	Khớp lệnh	
							Khối lượng (Hợp đồng)	Giá trị (tỷ VND)
04/03/2020	VN30F2004	4.05%	604.00	615.80	603.20	613.90	181,611	11,071.93
04/03/2020	VN30F2005	3.66%	600.00	610.90	600.00	609.50	886	53.70
04/03/2020	VN30F2006	2.99%	604.00	612.00	600.10	609.70	137	8.30
04/03/2020	VN30F2009	4.38%	603.60	614.30	602.00	614.30	113	6.86

TOP 5 TĂNG GIÁ HSX					TOP 5 GIẢM GIÁ HSX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)
DRH	4,29	+0,28/+6,98%	776.85		DXV	2,79	-0,21/-7,00%	17.46	
VPB	19,95	+1,30/+6,97%	4.611.900		VNL	13,45	-1,00/-6,92%	680	
TNA	15,35	+1,00/+6,97%	509.86		TCR	2,97	-0,22/-6,90%	20	
MSH	31,55	+2,05/+6,95%	510.65		ABS	30,50	-2,25/-6,87%	23.58	
BHN	47,00	+3,05/+6,94%	13.72		CMV	15,60	-1,15/-6,87%	1.24	

TOP 5 TĂNG GIÁ HNX					TOP 5 GIẢM GIÁ HNX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)
MEC	1,00	+0,10/+11,11%	100		NHP	0,30	-0,10/-25,00%	204.8	
PVX	1,00	+0,10/+11,11%	978.7		KVC	0,70	-0,10/-12,50%	237.3	
MPT	1,00	+0,10/+11,11%	391.9		CLM	16,2	-1,80/-10,00%	100	
TPP	12,10	+1,10/+10,00%	100		DNY	1,80	-0,20/-10,00%	100	
SFN	23,20	+2,10/+9,95%	100		VSM	10,2	-1,10/-9,73%	500	

TOP MUA RÒNG HSX					TOP BÁN RÒNG HSX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)
VRE	25,45	+6,93%		24.312.990	VIC	96,00	+1,00/+1,05%		-83.568.170
HPG	19,35	+2,93%		14.362.040	BID	37,15	+0,25/+0,68%		-58.327.490
VCB	70,80	+0,28%		13.968.890	HDB	20,20	+0,20/+1,00%		-49.936.620
HCM	15,50	+0,32%		11.388.730	MSN	58,10	-2,10/-3,49%		-21.025.390
NLG	21,40	-1,15%		10.764.590	VPB	19,95	+1,30/+6,97%		-16.822.720

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

Hệ thống khuyến nghị	Diễn giải
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên
THEO DÕI	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%
NĂM GIỮ	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

Hội sở Hồ Chí Minh

Tòa nhà Central Park, lầu 2, 117 – 119 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10, Tòa nhà Sentinel Place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222 – Ext: 117** Fax: **(84-4) 39338222**

***Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.*